TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HOÁ **Tỉnh Thanh Hoá**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2017

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HOÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lường Thị Hoa
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Trịnh Thị Loan
  2. Ông Hoàng Ngọc Năm
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoằng Hóa tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1944
Địa chỉ: thôn 7, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Bà Lê Thị Tr, sinh năm 1962
Địa chỉ: thôn 5, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa
Tại phiên tòa có mặt ông M, vắng mặt bà Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2017, lời khai ngày 03/7/2017 và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay của ông Nguyễn Hữu M thể hiện:

Tôi (M) kết hôn với bà Lê Thị Tr vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Th cấp, sau khi cưới vợ chồng sống bình thường hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bà Trung bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2012 đến nay không ai quan tâm đến ai. Tháng 3 năm 2017 tôi làm đơn ly hôn, Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng bà Trung vẫn

không quay về sống chung với tôi. Nay tôi tiếp tục làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Tr vì cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con: Vợ chồng tôi có hai con chung:

- Cháu đầu: Nguyễn Thị H, sinh 08/10/1995
- Cháu thứ hai: Nguyễn Thị Tr, sinh 10/8/1997

Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 12/7/2017 của bà Lê Thị Tr thể hiện:

Tôi(Tr) kết hôn với ông M năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Hoằng Th cấp. Sau khi cưới vợ chồng sống được một thời gian đầu sau đó vợ chồng không có hạnh phúc và xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông M có tính gia trưởng hay chửi mắng tôi và đánh đập tôi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, ông M làm đơn xin ly hôn tôi xét thấy giữa hai vợ chồng đã có hai con chung với nhau nên tôi không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để cho con tôi được sống có bố, có mẹ.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung:

- Cháu đầu: Nguyễn Thị H, sinh 08/10/1995
- Cháu thứ hai: Nguyễn Thị Tr, sinh 10/8/1997

Các cháu đã đến tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự với lý do bà Tr không đến Tòa án và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa cho bà Tr nhưng tại phiên tòa ngày 31/8/2017 bà Tr vắng mặt không có lý do, Tòa án Quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 01/9/2017 Tòa án giao thông báo lịch xét xử vụ án cho bà Tr nhưng bà Tr vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Tr.

2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu M và bà Lê Thị Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo bà Tr trình bầy là do ông M có tính gia trưởng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông M thường chửi bới và đánh đập bà nên năm 2012 bà Tr bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, ông M động viên bà về đoàn tụ được thời gian ngắn, mâu thuẫn lại phát sinh và đầu năm 2013 thì bà Tr bỏ về quê ngoại ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ngày 14/02/2017 Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa ông M và bà Tr, sau khi hòa giải thì ông M và bà Tr thống nhất vợ chồng về đoàn tụ. Ngày 23/3/2017 Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nhưng sau đó bà Tr vẫn không về chung sống với ông M. Hiện tại bà Tr đã làm nhà ở và sinh sống tại thôn 5, xã Hoằng Th. Tại phiên tòa hôm nay ông M vẫn mong muốn được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, theo tại bản tự khai ngày 12/7/2017 bà Tr không đồng ý lý hôn mà có nguyện vọng đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng bà Tr không thật sự muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng bởi vì giữa bà và ông M đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng bà vẫn không về chung sống cùng ông M điều đó chứng tỏ bà không quyết tâm xây dựng hạnh phúc gia đình mà tình cảm giữa bà và ông M không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông M được ly hôn bà Tr là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

3] Về con: Ông Nguyễn Hữu M và bà Lê Thị Tr có hai con chung là chị Nguyễn Thị H, sinh 08/10/1995 và chị Nguyễn Thị Tr, sinh 10/8/1997. Hiện nay cả hai con đã thành niên nên cả ông M và bà Tr đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4] Về tài sản: Ông Nguyễn Hữu M và bà Lê Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1, Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu M được ly hôn bà Lê Thị Tr.

2] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0005455 ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa (ông M đã thi hành xong).

Ông M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND t. Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã Tr; xã Th;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lường Thị Hoa